

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam

Năm 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Quyết định số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/07/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần thứ 7 số 01/GPĐC-UBCK ngày 09/01/2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.
- Vốn điều lệ: 1.112.766.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.112.766.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank Tower, số 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (08) 3838 6068
- Số fax: (08) 3838 6896
- Website: www.kisvn.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển:

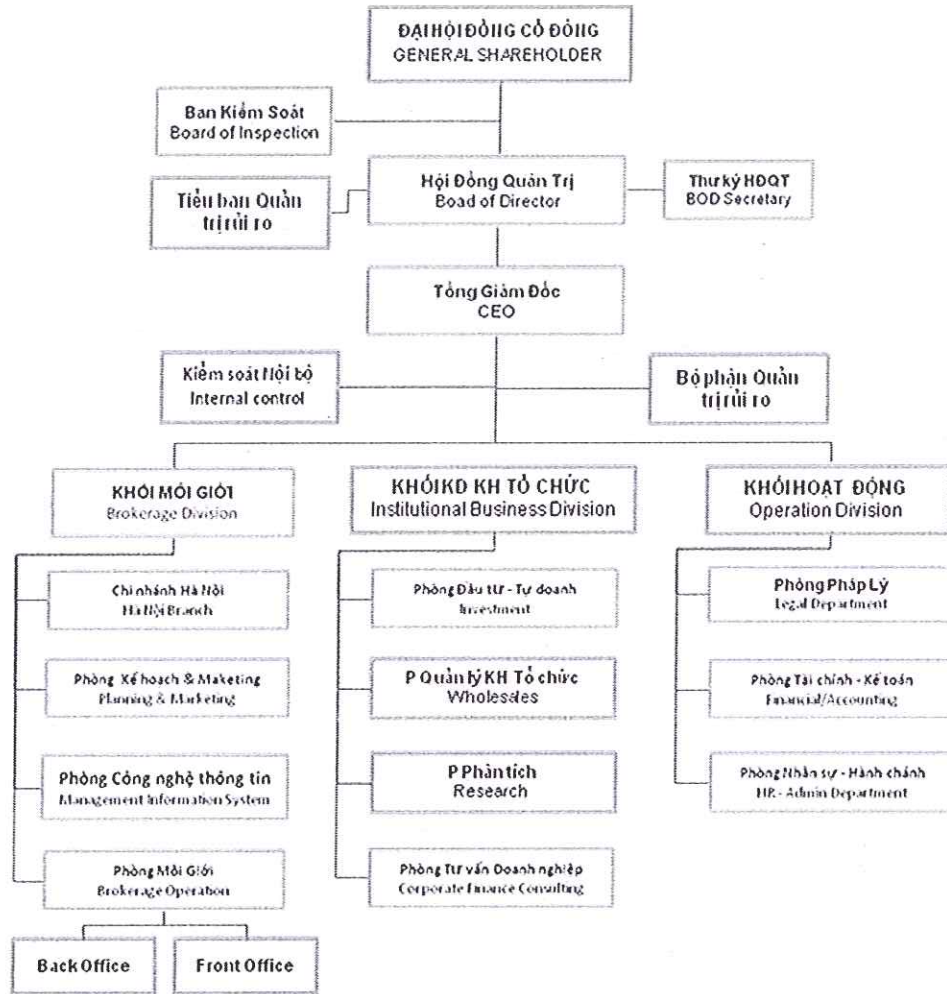
- Công ty Cổ Phần Chứng khoán KIS Việt Nam trước đây là Công ty Cổ Phần Chứng khoán Gia Quyền được thành lập ngày 05/07/2007 Quyết định số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/07/2007 với số vốn 135 tỷ đồng, từ tháng 01/2015 KIS Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên 1.112.766.000.000 đồng. Công ty được đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ hiện đại, cùng với đội ngũ Ban điều hành và các chuyên viên có nền tảng kiến thức chuyên sâu và bề dày kinh nghiệm về môi trường kinh doanh và mạng lưới quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.
- 17/07/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK
- 17/08/2007 Chính thức trở thành thành viên của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM theo quyết định số 57/QĐ-SGDHCM
- 28/08/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 215/QĐ-TTGDHN
- 12/06/2008 Công ty Chứng khoán Gia Quyền là Công ty Đại chúng, theo công văn số 1142/UBCK-QLPH ngày 13/06/2008 của UBCKNN
- 20/06/2008 Thành lập và khai trương Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 439/QĐ-UBCK
- 10/07/2008 Chi nhánh chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo giấy chứng nhận số 34/GCNTVLK-CN.
- 18/08/2010 Phát hành tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 263.646 tỷ đồng theo Quyết định số 662/QĐ-UBCK và đợt phát hành tăng vốn hoàn tất vào ngày 17/12/2010 theo giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK.
- Ngày 21/3/2012 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam theo Giấy phép điều chỉnh 19/GPĐC-UBCK ngày 21/03/2011. Ngày 24/3/2012 Công ty chính thức đổi tên của Chi nhánh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 265/QĐ-UBCK ngày 24/03/2011.
- Ngày 08/7/2011 Công ty chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh 42/GPĐC-UBCK ngày 08/07/2011.
- Ngày 29/02/2012 Chi nhánh Hà Nội chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 193/QĐ-UBCK do UBCK Nhà Nước cấp ngày 29/02/2012.
- Ngày 09/01/2015 Công ty Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 01/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 1.112.766.000.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Công ty KIS Việt Nam đang thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh trong các lĩnh vực của thị trường chứng khoán bao gồm:
 - Môi giới chứng khoán,
 - Tự doanh chứng khoán,
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán,
 - Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, Công ty cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.
- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty chứng khoán KIS Việt Nam có mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng.
- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.
- Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).
- Hội đồng Quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2014-2018 tại ngày 31/12/2014 gồm: 3 thành viên do ông Oh Kyung Hee là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc; số lượng thành viên không điều hành là 2 người, số lượng thành viên điều hành là 1 người.
- Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2018 gồm 3 thành viên, do Ông Lê Phương Thành làm Trưởng Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, gồm 1 Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Công ty thông qua các Giám đốc phụ trách Khối, Giám đốc Chi nhánh, các Trưởng phòng, Trưởng bộ phận.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

KIS đặt mục tiêu phát triển trở thành một công ty chứng khoán chuyên nghiệp hàng đầu của Việt Nam trên cơ sở kết hợp kinh nghiệm quốc tế và nguồn lực địa phương, phù hợp với nhu cầu và khung pháp lý quy định.

5.1 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, Ban lãnh đạo KIS tập trung vào việc đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên, nâng cao phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, phát triển mạnh các dịch vụ tiện ích hỗ trợ cho nhà đầu tư:

- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Xây dựng cấu trúc tổ chức kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, phục vụ hiệu quả các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Cải tiến và tạo những giá trị mới cho hoạt động kinh doanh thông qua việc phát triển sản phẩm mới, nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng và quản trị rủi ro.
- Cải tiến nâng cấp hệ thống IT cạnh tranh cho hoạt động môi giới, cung cấp thông tin hiệu quả hơn cho khách hàng.
- Gia tăng nguồn nhân lực môi giới có chất lượng với chế độ lương thưởng cạnh tranh để thu hút nhân tài.

- Xây dựng đội ngũ phân tích chứng khoán để phục vụ khách hàng.
- Gia tăng các hoạt động marketing, đẩy mạnh sức thu hút của thương hiệu.
- Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường quản lý rủi ro và hoạt động tuân thủ.
- Gia tăng giá trị của Công ty, tối ưu hoá và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

5.2 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Công ty đã nhiều lần tổ chức các hoạt động tình nguyện, tạo các cơ hội thực tập cho sinh viên, Công ty tiếp tục thực hiện các công tác từ thiện và hoạt động xã hội như thăm và trao tặng quà cho Làng SOS Tp HCM, Trung tâm..., trong năm 2014 Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động thiết thực như: tổ chức công tác hoạt động xã hội định kỳ với sự tham gia của toàn thể nhân viên KIS.

6. Các rủi ro:

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán nhiều biến động và rủi ro, Công ty luôn chú trọng ở mức cao nhất vai trò của công tác quản trị rủi ro. Chính sách quản trị rủi ro của Công ty luôn được thực hiện thống nhất từ cấp quản lý cao nhất là Hội đồng Quản trị, Công ty đã xây dựng ban hành các chính sách quản trị rủi ro năm 2014, chính sách quản lý hạn mức rủi ro, và quy trình quản trị rủi ro để đưa vào áp dụng theo đầy đủ tinh thần Quyết định 105/QĐ-UBCK do UBCKNN ban hành ngày 26/02/2013.

Công ty KIS nhận thấy các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như sau:

- Rủi ro thị trường:

Là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản của Công ty theo chiều hướng bất lợi như: Chứng khoán trong danh mục tự doanh hoặc chứng khoán cho khách hàng vay ký quỹ bị giảm giá; Giảm giá của tài sản cố định Công ty đang sở hữu.

- Rủi ro hoạt động:

Đây là rủi ro có thể phát sinh từ các nhân tố như do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người trong quá trình tác nghiệp.... Để giảm thiểu các rủi ro này, KIS đã xây dựng quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng nghiệp vụ và phổ biến đến các cán bộ nhân viên trong công ty. Ngoài ra, các phòng nghiệp vụ thường xuyên tổ chức gặp gỡ và thảo luận đưa ra các giải pháp để giải quyết trước mỗi một loại hình rủi ro có thể xảy ra. Trên thực tế các rủi ro hoạt động tại KIS được giám sát hạn chế ở mức tối đa.

- Rủi ro thanh toán:

Đây là rủi ro xuất phát từ việc Công ty bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày, do khi khách hàng không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Việc quản lý các khoản phải thu của khách hàng của công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh toán từ hoạt động giao dịch cho vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.

- Rủi ro thanh khoản:

Là rủi ro xảy ra khi công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để bảo đảm các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản.

- Rủi ro pháp luật:

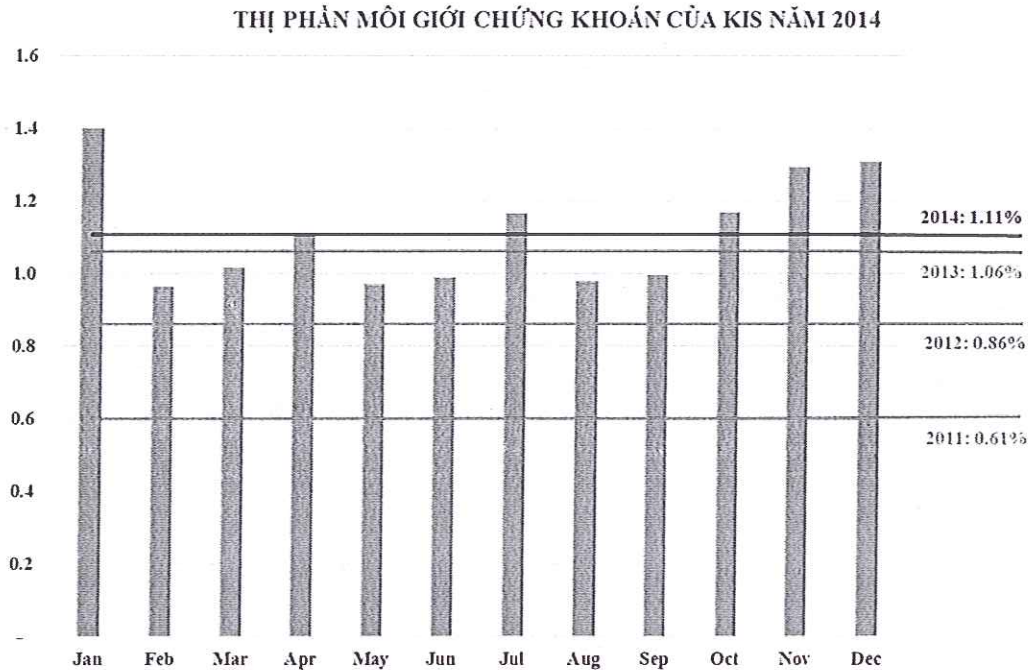
Đây là rủi ro phát sinh từ việc không cập nhật và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh. Có thể kể ra đây như: các giao dịch có khả năng bị vô hiệu do không phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành; Hợp đồng bị hủy bỏ do bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản,...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động kinh doanh: Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

1.1 Dịch vụ Môi giới:

- Thị phần môi giới



Thị phần môi giới chứng khoán của KIS có những bước tăng trưởng đều đặn, từ mức 0.60% năm 2011, đến 0.86% năm 2012, 1.06% năm 2013 và đạt 1.11% năm 2014. Đặc biệt trong giai đoạn thị trường sôi động trong Quý 1 và đầu Quý 4 năm 2014, thị phần công ty đã có lúc đạt 1.4%.

Với kết quả đạt được như trên, KIS đã được nâng tầm từ top 30 năm 2012 lên top 15 năm 2014.

- Số lượng tài khoản:

Phân loại khách hàng		Đầu năm 2014	Cuối năm 2014
Trong nước	Cá nhân	11,845	13,018
	Tổ chức	24	26
Nước ngoài	Cá nhân	59	87
	Tổ chức	14	20
Tổng		11,942	13,151

Về mặt số lượng tài khoản, năm 2014 KIS đã mở mới tổng cộng 1,210 tài khoản, trong đó có 8 tài khoản tổ chức (bao gồm cả trong nước và nước ngoài), nâng tổng số tài khoản lên mức

13,151, tăng 10,12% so với năm 2013. Trong đó, Công ty đã thu hút được nhiều tài khoản có giao dịch lớn, đóng góp vào tăng trưởng thị phần của Công ty.

1.2 Hoạt động môi giới:

- Năm 2014, KIS tiếp tục tăng cường tuyển dụng nhân sự kinh doanh cho hoạt động môi giới với tỷ lệ tăng trưởng 53%. Hoạt động đào tạo nhân sự môi giới được tổ chức định kỳ và thường xuyên với sự hỗ trợ của phòng Phân tích của công ty và sự tham gia của Đội ngũ phân tích chuyên nghiệp từ Công ty Chứng khoán KIS Hàn Quốc. Bên cạnh đó các nhóm liên tục tổ chức các buổi thuyết trình, thảo luận về các chủ đề, lĩnh vực nhà đầu tư quan tâm để trau dồi học hỏi lẫn nhau, đồng thời nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư cho khách hàng. Tư vấn đầu tư được KIS xác định là giá trị cộng thêm cốt lõi và bền vững, là cốt lõi chất lượng dịch vụ môi giới, đảm bảo sự ổn định của khách hàng.
- Về cơ cấu tổ chức nhân sự kinh doanh môi giới, môi giới được chia thành nhiều nhóm môi giới với một trưởng nhóm chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức, điều phối, báo cáo chiến lược và hoạt động của các thành viên trong nhóm. Việc phân nhóm này giúp tăng cường hiệu quả quản lý, tạo sự cạnh tranh lành mạnh và học hỏi lẫn nhau giữa các nhóm. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng và cập nhật thường xuyên quy chế trả lương kinh doanh dựa trên hiệu quả làm việc cho nhân sự kinh doanh nhằm khuyến khích tinh thần và hiệu quả làm việc môi giới, đồng thời thu hút thêm nhiều môi giới mới.
- Trong năm qua, KIS có nhiều chiến lược trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như cải tiến hệ thống giao dịch trực tuyến. Nhiều tiện ích và nâng cấp áp dụng cho hệ thống giao dịch qua điện thoại. Trong năm, Công ty ra mắt thành công sản phẩm mới K-Mobile, phần mềm giao dịch trực tuyến trên hệ điều hành iOS, dành riêng cho Iphone và Ipad và hệ điều hành Android.
- Công ty cũng không ngừng nghiên cứu hướng phát triển và giải pháp cho các sản phẩm dịch vụ mới, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ tài chính, phân phối chứng chỉ quỹ. Trong năm qua, KIS cũng đã thành công trong việc ký kết hợp tác trở thành nhà phân phối chính thức chứng chỉ quỹ mở cho các quỹ lớn tại Việt Nam nhằm đa dạng hoá sản phẩm – dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

1.3 Tư vấn tài chính Doanh nghiệp

Tiếp tục tập trung mảng tư vấn M&A như kế hoạch, Công ty đã kết nối được với nhiều quý đầu tư tài chính hoạt động tại Việt Nam và các công ty chứng khoán khác. Thông qua việc hợp tác với các đối tác trên, Công ty đã tìm kiếm những doanh nghiệp có nhu cầu mua-bán vốn để giới thiệu cho nhà đầu tư Hàn Quốc tại Việt Nam. Công ty đã thực hiện cung cấp thông tin và dịch vụ hỗ trợ cho một số nhà đầu tư Hàn Quốc tìm kiếm đối tác phù hợp để mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Do tính chất của hoạt động này, thời gian thực hiện dịch vụ tương đối dài nên chưa có kết quả ngay trong kỳ báo cáo. Đối với hoạt động truyền thống như phát hành, tăng vốn, niêm yết, Công ty chủ yếu thực hiện một vài dịch vụ cho những khách hàng hiện tại để duy trì mối liên hệ với các doanh nghiệp này.

1.4 Tự doanh:

Trong năm qua công ty vẫn tiến hành theo dõi sát sao danh mục cổ phiếu đang nắm giữ. Công ty đã thực hiện bán 2 cổ phiếu chưa niêm yết và 1 cổ phiếu niêm yết đang nắm giữ. Trong năm 2014, công ty không cần lập khoản dự phòng cổ phiếu nào. Công ty vẫn sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để bán dần các cổ phiếu này để thu lợi cho công ty trong năm 2015.

Kết quả hoạt động tự doanh năm 2014 như sau:

- Tổng doanh thu hoạt động đầu tư trong năm 2014 là: 1,792,124,994 đồng.
- Tổng giá trị danh mục chứng khoán niêm yết (chủ yếu là cổ phiếu lô lẻ mua từ khách hàng) đến cuối năm 2014 đạt 140,257,810 đồng.
- Tổng giá trị danh mục chứng khoán chưa niêm yết là 42,676,677,449 đồng.

1.5 Công tác chăm sóc khách hàng và thương hiệu:

- Năm 2014, Công ty tiếp tục định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới thông qua hoạt động tư vấn đầu tư, đã thực hiện chuỗi hội thảo tại hội sở, chi nhánh và các điểm khai thác thương hiệu.
- Năm 2014, Công ty tiếp tục định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới thông qua hoạt động tư vấn đầu tư cung cấp thông tin cho khách hàng qua Chuỗi hội thảo được tổ chức vào quý I và quý III tại Hội sở, Chi nhánh và các điểm giao dịch trực tuyến.
- Công ty phối hợp với Vietstock tổ chức cuộc thi "Tuyệt đỉnh tranh tài cùng KIS" với tổng giải thưởng trị giá lên đến 90 triệu VND.
- Từ 1/7 đến 30/9 năm 2014 KIS triển khai chương trình "Cơn mưa quà tặng cùng KIS" tặng các phần quà cho KH có giá trị GD cao, KH mở tài khoản mới...
- Công ty đã tổ chức thành công chương trình ca nhạc Chào Xuân 2015 - Love concert, Chương trình đây là một đêm hội ngộ khách hàng của KIS, nhân viên, đối tác, báo chí và là điểm nhấn quan trọng trong việc nhận diện thương hiệu KIS 2015 và chăm sóc khách hàng.
- Trách nhiệm xã hội được xác định là yếu tố góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện các công tác từ thiện và hoạt động xã hội như thăm và trao tặng quà cho trung tâm Tam Bình, làng trẻ em SOS, TT người khuyết tật Tp. HCM.
- Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện các chương trình chăm sóc khách hàng thường niên: tặng quà vào các dịp lễ tết, tin nhắn chúc mừng sinh nhật. Công tác quảng bá thương hiệu công ty trên các phương tiện đại chúng cũng được duy trì và đẩy mạnh trong năm qua.

1.6 Công tác xây dựng công nghệ thông tin và hệ thống hạ tầng:

- Năm 2014 có ít thay đổi nên những hoạt động và điều hành của IT chủ yếu tập việc hỗ trợ cho các quá trình chỉnh sửa, nâng cấp hệ thống giao dịch để đáp ứng các yêu cầu quy định pháp luật và phục vụ khách hàng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Vị trí	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết
Tổng Giám đốc	Oh Kyung Hee	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày sinh: 15/01/1960 ▪ Quốc tịch: Hàn Quốc ▪ Trình độ học vấn: Thạc sỹ. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - 02/1986 đến 06/2000 - Giám đốc cấp cao - Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 6/2000 đến 03/2009 - Giám đốc điều hành Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hồng Kông. - 04/2009 đến 12/2010 - Chức vụ: Trưởng đại diện/GĐĐH VPĐD Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Việt Nam. 	0%
Giám đốc Khối Môi giới	Cha Hun Do	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày sinh: 29/12/1972 ▪ Quốc tịch: Hàn Quốc ▪ Trình độ học vấn: Đại học. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - 3/1997 đến 3/2000: NV Môi giới - Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 4/2000 đến 3/2009: NV Phòng kế hoạch- Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 4/2009 đến 9/2010: Quản lý chi nhánh - Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc ▪ 10/2010 đến 11-2010: Team hỗ trợ kinh doanh toàn cầu - Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc 	0%
Giám đốc Khối Hoạt động	Nguyễn Phước Thiện	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày sinh: 24/01/1976 ▪ Quốc tịch: Việt Nam ▪ Trình độ học vấn: Đại học. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - 1999-2001 NVTV tại VPLS Trương Thị Hòa - 2001-3/2006 Trợ lý GĐ NSHC tại TTMS Sài Gòn – Nguyễn Kim. - 4/2006-11/2006 TP HCQT&Tr Ban Ply tại Cty CP DVCNTH HPT. - 11/2006-3/2007 TrP Ply & TTNB tại Cty CPMK TpHCM ▪ 07/2007 đến nay GĐ Pháp lý tại Cty CPMK KIS VN. 	0%
Kế toán trưởng	Trương Thị Kim Dung	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày sinh: 15/01/1960 	0%

		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quốc tịch: Hàn Quốc ▪ Trình độ học vấn: Đại học. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - 1992 đến 1994 Công tác tại Cục thuế Hành tân - Bình Thuận - 1994 đến 2007 - Kế toán trưởng tại công ty Tungshin & Tungkuang CO.,LTD. - 11/2007 đến 6/2008 - Kế toán trưởng CN Công ty CK VN Direct. 	
--	--	---	--

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không
- Số lượng cán bộ nhân viên tính đến 31/12/2014: 82 Cán bộ nhân viên.

2.2 Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách lương, thưởng của Công ty được ban hành phù hợp với Bộ luật lao động, Về tiền lương: Công ty xây dựng quy chế lương riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù hoạt động của công ty phù hợp quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của công ty
- Chính sách khen thưởng, phúc lợi được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động như: thưởng nhân các ngày Lễ, Tết ...
- Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương phù hợp tương xứng với năng lực, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết năng lực. Công ty tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ chi phí cho nhân viên tham gia các khóa học chuyên ngành do Trung tâm đào tạo của UBCK tổ chức cũng như các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn khác theo chính sách của Công ty.
- Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động.
- Công ty tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật về lao động như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.... Công ty tổ chức việc khám kiểm tra sức khỏe định kỳ mỗi năm cho toàn thể CBNV Công ty.
- Về chính sách đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo bên ngoài. Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh.
- Ngoài ra, nhằm tạo ra sự gắn bó giữa người lao động với Công ty, KIS luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, Công ty còn quan tâm đến đời sống tinh thần của toàn thể CBNV trong Công ty thông qua việc tổ chức các chương trình nghỉ mát, dã ngoại, các buổi tiệc cho toàn thể nhân viên và gia đình trong các dịp lễ tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Công ty không có khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	194,776	1,360,869	699%
Doanh thu thuần	33,697	61,902	184%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-6,562	5,032	
Lợi nhuận khác	0,228	0,155	68%
Lợi nhuận trước thuế	-6,334	5,187	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-6,334	5,187	

▪ Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	406%	379%	
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	406%	379%	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản	22%	26%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	29%	35%	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
<input type="checkbox"/> Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân			
<input type="checkbox"/> Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-19%	8%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-4%	1%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-3%	0%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-19%	8%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại :
 - Cổ phiếu phổ thông : 111.276.600 cổ phần
 - Mệnh giá : 10.000 đồng
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - Cổ phiếu phổ thông : 111.276.600 cổ phần
 - Mệnh giá : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: Không

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cá nhân	1,978,712	1.778%
1	Cá nhân trong nước	1,949,662	1.752%
2	Cá nhân nước ngoài	29,050	0.026%
II	Tổ chức	109,297,888	98.222%
1	Tổ chức trong nước	51,000	0.046%
2	Tổ chức nước ngoài	109,246,888	98.176%
	Tổng cộng	111,276,600	100%
CỔ ĐÔNG LỚN		109,246,888	98.176%
I	Cá nhân	0	0%
1	Cá nhân trong nước	0	0%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0%
II	Tổ chức	109,246,888	98.176%
1	Tổ chức trong nước	0	0%
2	Tổ chức nước ngoài	109,246,888	98.176%

Danh sách Cổ đông lớn trên 5%:

STT	Cổ đông	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề kinh doanh/ hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
1	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc	27-1 Yeouido-dong, yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea.	Đầu tư tài chính, chứng khoán	109.246.600	98,176%	

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Đvt: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	2014 vs 2013 (%)	TH vs KH (%)
Doanh thu	61,902	33,697	62,010	84%	100%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	28,860	13,536	28,814	113%	100%
- Doanh thu tư vấn tài chính DN	282	3,794	3,794	-93%	7%
- Doanh thu tự Doanh	1,792	1,776	4,033	1%	44%
- Doanh thu khác	30,969	14,591	25,369	112%	122%
Chi phí hoạt động kinh doanh	24,827	7,988	19,454	211%	128%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32,044	32,271	33,442	-1%	96%
Lợi nhuận khác	155	228		-32%	
Lợi nhuận trước thuế	5,187	-6,334	9,114	N/A	57%

Tổng doanh thu KIS năm 2014 là 61.9 tỷ đồng, đạt gần 100% so với kế hoạch, trong đó:

- Doanh thu môi giới là 28.9 tỷ đồng, đạt gần 100% so với kế hoạch và tăng 113% so với doanh thu thực hiện năm 2013 đồng thời chiếm 46.7% tổng doanh thu.
- Doanh thu của hoạt động tư vấn đạt 282 triệu đồng chiếm tỷ lệ không đáng kể so với tổng doanh thu, đạt 7% so với kế hoạch.
- Doanh thu tự doanh là 1.79 tỷ đồng, đạt 44% so với kế hoạch (doanh thu tự doanh bao gồm cả tức), chiếm 3% tổng doanh thu.
- Doanh thu khác đạt 31.0 tỷ đồng, tương đương 122% kế hoạch và chiếm 50% tổng doanh thu.
- Chi phí hoạt động kinh doanh là 24.8 tỷ đồng tăng 211% so với năm 2013 và tăng 28% so với kế hoạch.
- Chi phí quản lý là 32.04 tỷ đồng, giảm 1 % so với năm 2013.
- Trong năm 2014, công ty không có nợ xấu, chỉ tiêu an toàn tài chính tuân thủ đúng với quy định pháp luật.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

- Cuối năm 2014, KIS có tổng tài sản 1360 tỷ đồng, tăng 1166 tỷ đồng (tương ứng + 666 %) so với thời điểm cuối năm 2013. Quy mô tài sản cuối năm biến động mạnh do công ty tăng vốn đầu tư từ 263 tỷ lên 1.112 tỷ đồng, đồng cơ cấu tài sản cũng đã thay đổi. Tài sản cố định giảm từ 12 tỷ đồng xuống còn hơn 7 tỷ đồng do khấu hao trong năm. Giá trị các khoản đầu tư tài chính giảm từ 35 tỷ cuối năm 2013 xuống còn 25 tỷ cuối năm 2014 (tương ứng -26%) chủ yếu do chuyển nhượng cổ phiếu OTC..

b) Tình hình nợ phải trả

- Dư nợ phải trả trong năm 2014 là 221 tỷ đồng, chiếm 16% trên tổng nguồn vốn, trong đó vay ngắn hạn 214 tỷ do đẩy mạnh kinh doanh môi giới. Tuy nhiên khoản nợ vay này đã được thanh toán hết trong tháng 1 năm 2015, không có nợ quá hạn. KIS không có rủi ro thanh toán tại thời điểm cuối năm 2014..

c) Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty có các giao dịch sử dụng ngoại tệ từ khoản vay ngắn hạn trong năm 2014 nên có phát sinh khoản chênh lệch tỷ giá là 3, 2 tỷ đồng do biến động tỷ giá trong năm..

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2014, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a) Chiến lược chung 2015 với mục tiêu:

- Thị phần: 3.09% (Thời điểm mới sáp nhập xếp hạng 60, năm 2011 xếp hạng 30, năm 2013 xếp hạng 20, năm 2014 xếp hạng 15)
- Chi nhánh: 3 CN (mở mới 2 chi nhánh)
- Tổng NV: 113 người (NV môi giới 63 người)

b) Kế hoạch kinh doanh 2015:

Chỉ tiêu		Kế hoạch 2015	Thực hiện 2014
1	Doanh thu	173,637	61,902
	- Doanh thu môi giới chứng khoán	89,179	28,860
	- Doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp	2,130	282
	- Doanh thu tư Tự doanh	1,638	1,792
	- Doanh thu khác	80,690	30,969
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	27,454	24,827
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	66,881	32,044
4	Lợi nhuận khác	-	155
5	Lợi nhuận trước thuế	79,303	5,187
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,270	-
7	Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế	78,032	5,187
8	Tăng trưởng EPS (%)		

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2014, HĐQT đã tiếp tục thực hiện vai trò Quản lý, Giám sát tính hiệu quả trong hoạt động của công ty để đảm bảo các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ đúng Luật và Điều lệ của Công ty, các chính sách và định hướng hoạt động tuân thủ đúng các Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thực thi các chỉ đạo của HĐQT.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm vừa qua HĐQT đã đưa ra quyết định quan trọng trong việc thực hiện tăng vốn điều lệ cho công ty, mở rộng nguồn vốn hoạt động kinh doanh. Đồng thời dưới sự giám sát và theo dõi thường xuyên của HĐQT, mặc dù không đạt được kết quả kinh doanh như kế hoạch đã báo cáo với ĐHCĐ năm 2014 là lợi nhuận trước thuế 9,114 tỷ đồng và mục tiêu thị phần là 1,6% nhưng Ban điều hành đã có những nỗ lực đáng kể trong việc cải thiện kết quả kinh doanh, gia tăng doanh thu và thị phần hơn so với năm 2013, trong đó lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 5,186 tỷ đồng, thị phần cuối năm đạt 1,107%.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, HĐQT sẽ tăng cường thực hiện vai trò quản lý và giám sát đúng theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao phó nhằm thực hiện tốt vai trò của HĐQT phấn đấu hoàn thành hoặc vượt các chỉ tiêu kế hoạch tài chính kinh doanh năm 2015. Các hoạt động cụ thể dự kiến như sau:

- Quyết tâm thực hiện đúng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và mục tiêu lợi nhuận đề ra cho năm 2015.
- Đẩy mạnh vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý để đảm bảo hiệu quả nguồn vốn và hiệu quả hoạt động, tuân thủ đúng các quy định Pháp luật và thực thi kịp thời Nghị quyết Đại hội cổ đông giao phó.
- Giám sát Ban điều hành hoạt động hiệu quả, đạt mục tiêu lợi nhuận và thị phần cam kết. Yêu cầu Ban điều hành cắt giảm một số chi phí không hợp lý để đạt mục tiêu trên.
- Chú trọng công tác quản trị rủi ro. Theo dõi và cập nhật thường xuyên báo cáo của ban quản trị rủi ro để chấn chỉnh kịp thời tình hình hoạt động công ty.
- Tiếp tục rà soát và tiêu chuẩn hoá và cập nhật toàn diện các quy định, quy chế quản lý và hoạt động của công ty, duy trì chế độ giám sát việc thực thi của các quy định này.
- Duy trì chế độ họp định kỳ, sẵn sàng họp đột xuất, thực hiện tốt cơ chế thông tin, báo cáo thường xuyên, kịp thời, đầy đủ giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận đặt ra.
- Kịp thời chỉ đạo phương hướng hoạt động kinh doanh phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Chú trọng công tác kiện toàn hệ thống chính sách, quy chế.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết nắm giữ			Hình thức	Thay đổi	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
			Cá nhân	Đại diện	Tỷ lệ			
1	Oh, Kyung Hee	Chủ tịch	-	-	-	Điều hành	07/3/2014	
2	Ông Lee Kang Haeng	Ủy viên	-	-	-	Không điều hành	07/3/2014	
3	Ông Kim Min Kyu	Ủy Viên	-	109.246.888	98.176%	Không điều hành	07/3/2014	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Quản trị rủi ro.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị luôn theo dõi Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nội dung của nghị quyết Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Theo đó Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và giám sát thực hiện những vấn đề sau:

- Đôn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014 của Công ty.
- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đúng theo quy định của Pháp luật.
- Lập, nộp và công bố thông tin đúng quy định các Báo cáo theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước

- Các cuộc họp của HĐQT:

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 18 cuộc họp :

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2014/NQ-HĐQT	14/01/2014	Sử dụng dịch vụ thấu chi từ ngân hàng
2	02/2014/NQ-HĐQT	16/01/2014	Thông qua đơn từ nhiệm các thành viên HĐQT, thư kí HĐQT. Bầu ông Oh Kyung Hee đảm nhận chức vụ chủ tịch tạm thời
3	01/2014/QĐ-HĐQT	23/01/2014	Quyết định tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014

4	02/2014/QĐ-HĐQT	26/02/2014	Thông qua tài liệu ĐHCĐ 2014
5	03/2014/QĐ-HĐQT	11/03/2014	Bổ nhiệm ông Oh Kyung Hee là chủ tịch HĐQT trong nhiệm kì mới 2014 – 2018
6	03/2014/NQ-HĐQT	11/03/2014	Thông qua HĐ vay lần 2 giữa KIS Việt Nam và KIS
7	04/2014/NQ-HĐQT	24/02/2014	Thông qua danh sách thành viên HĐQT trong ban quản trị rủi ro công ty
8	04/2014/QĐ-HĐQT	24/07/2014	Tiếp nhận đơn từ nhiệm của ông Lee Yul Hee. Trình đơn từ nhiệm lên Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản và bầu bổ sung thành viên BKS mới.
9	05/2014/QĐ-HĐQT	13/08/2014	Chấp thuận về phương cách mới chi trả tiền lương cho Tổng giám đốc
10	05/2014/NQ-HĐQT	09/09/2014	Thông qua Hợp đồng vay giữa KIS VN và Korea Investment Holdings
11	06/2014/QĐ-HĐQT	08/09/2014	Thông qua việc triệu tập ĐHCĐ bất thường bằng văn bản 2014
12	06/2014/NQ-HĐQT	09/09/2014	Thông qua việc bán cổ phiếu Nguyễn Hoàng (NHG) trong danh mục OTC của công ty
13	07/2014/NQ-HĐQT	22/09/2014	Thông qua thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ bất thường 2014 để xin ý kiến cổ đông về chủ trương tăng vốn của Công ty CPCK KIS Việt Nam.
14	07/2014/QĐ-HĐQT	20/10/2014	Quyết định nội dung và tài liệu ĐHCĐ bất thường 2014 của Công ty CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam
15	08/2014/NQ-HĐQT	24/10/2014	Thông qua việc bán cổ phiếu Nhơn Trạch (NIC) trong danh mục OTC của công ty
16	09/2014/NQ-HĐQT	01/12/2014	Thông qua Hợp đồng vay giữa KIS VN và Korea Investment Holdings
17	10/2014/NQ-HĐQT	05/12/2014	Thông qua việc bán cổ phiếu Vietcombank (VCB) trong danh mục đầu tư của Công ty
18	11/2014/NQ-HĐQT	17/12/2014	Thông qua sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ Công ty sau đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn cho đối tác Korea Investment Securities Co.,Ltd

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Tiểu ban quản trị rủi ro đã xúc tiến xây dựng chính sách khả năng chấp nhận rủi ro của công ty, triển khai giám sát hoạt động quản trị các chính sách rủi ro của Ban giám đốc.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng Cổ phần có quyền biểu quyết	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Lê Phương Thành	Trưởng ban	0	
2	Kim Sin Yeol	Ủy viên	0	
3	Nguyễn Thao Giang	Ủy viên	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2014, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát chú trọng đến những hoạt động kiểm tra, giám sát trên một số lĩnh vực sau:

- Kiểm soát chiến lược: Xem xét, đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 Công ty thông qua.
- Kiểm soát hoạt động: Xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, kiểm soát việc thực hiện các quy trình nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó có ý kiến với Ban điều hành.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Kiểm tra các Báo cáo tài chính hàng quý, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Có ý kiến và phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban điều hành trong việc thực thi những kiến nghị do đơn vị kiểm toán đưa ra.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

- Hội đồng Quản trị:

Các thành viên người Hàn Quốc tự nguyện không nhận thù lao năm 2014.

- Ban Kiểm soát:

▪ Trưởng ban : 1.500.000 đồng/tháng

▪ Thành viên : 1.000.000 đồng /tháng

Thù lao Ban kiểm soát được thanh toán theo từng quý trong năm 2014.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Chuyển nhượng theo Quyết định số 915/QĐ-UBCK ngày 27/12/2013 và hoàn tất đợt chuyển nhượng vào ngày 13/01/2014 (Vốn điều lệ: 263.646.000.000đ)

STT	HỌ & TÊN - TÊN CÔNG TY	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN		TỶ LỆ (%)	
			Trước chuyển nhượng	Sau chuyển nhượng	Trước chuyển nhượng	Sau chuyển nhượng
I	BÊN CHUYỂN NHƯỢNG					
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Cổ đông lớn	2,295,000	0	8.705%	0.000%
2	Trần Văn Ái	Chủ tịch HĐQT	1,820,000	0	6.903%	0.000%
3	Nguyễn Thị Tiết Hạnh	Người có liên quan	523,000	0	1.984%	0.000%
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Người có liên quan	1,050,000	50,000	3.983%	0.190%
5	Nguyễn Đức Hùng	Thành viên BKS	306,000	0	1.161%	0.000%
6	Trương Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	8,664	0	0.033%	0.000%
7	Nguyễn Phước Thiện	GD Khối HĐ	58,597	0	0.222%	0.000%
	TỔNG CỘNG		6,061,261	50,000	22.990%	0.190%
II	BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG					
1	Korea Investment & Securities Co.,Ltd.		12,864,600	24,334,888	48.795%	92.301%

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Tiếp tục tiến hành việc lưu ký cổ phiếu Công ty CP CK KIS Việt Nam tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán: Công ty kiểm toán DFK Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Trang 21

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm

- Bảng Cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc



Oh Kyung Hee

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (Mẫu số B01-CTCK)	3 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Mẫu số B02-CTCK)	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Mẫu số B03-CTCK)	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Mẫu số B09-CTCK)	9 - 29

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ái	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2014)
Ông Nguyễn Hữu Nam	Phó Chủ tịch Thường trực (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2014)
Ông Ưông Tiến Thịnh	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2014)
Ông Lim Chun Soo	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2014)
Ông Oh Kyung Hee	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2014)
Ông Kim Min Kyu	Thành viên
Ông Lee Kang Haeng	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Lê Phương Thành	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2014)
Bà Bùi Thị Lệ Dung	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2014)
Ông Nguyễn Đức Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2014)
Ông Hwang Jeong Yun	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2014)
Ông Lee Yul Hee	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2014)
Bà Nguyễn Thao Giang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2014)
Ông Kim Sin Yeol	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2014)

Tổng Giám đốc

Ông Oh Kyung Hee	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



OH KYUNG HEE

Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

Số: 101/BCKT2015-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam, được lập ngày 11 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 11 tháng 3 năm 2015



ĐẶNG THỊ THỦY TRANG

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2063-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.347.431.066.617	175.976.336.667
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.056.850.411.163	46.389.117.831
Tiền	111		894.850.411.163	46.389.117.831
Các khoản tương đương tiền	112		162.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	25.282.663.841	34.178.480.560
Đầu tư ngắn hạn	121		50.816.935.259	78.564.286.164
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(25.534.271.418)	(44.385.805.604)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	263.533.714.948	93.589.271.589
Phải thu khách hàng	131		263.662.598.657	94.575.116.283
Trả trước cho người bán	132		30.000.000	9.627.317
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		324.974.528	79.053.389
Các khoản phải thu khác	138		832.990.735	242.323.572
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.316.848.972)	(1.316.848.972)
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.764.276.665	1.819.466.687
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	1.104.071.594	1.093.289.759
Thuế GTGT được khấu trừ	152		526.608.671	556.577.694
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		80.067.404	80.067.404
Tài sản ngắn hạn khác	158		53.528.996	89.531.830
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.437.648.270	18.799.672.920
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		7.770.716.467	12.174.698.561
Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.205.724.628	5.361.587.728
- Nguyên giá	222		16.003.142.063	15.851.782.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.797.417.435)	(10.490.194.335)
Tài sản cố định vô hình	227	9	4.564.991.839	6.602.276.833
- Nguyên giá	228		13.330.853.738	12.739.105.738
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.765.861.899)	(6.136.828.905)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	210.834.000
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		5.666.931.803	6.624.974.359
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.731.896.873	3.068.579.527
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	-	-
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	2.775.157.010	2.296.516.912
Tài sản dài hạn khác	268	13	1.159.877.920	1.259.877.920
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.360.868.714.887	194.776.009.587

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
NỢ PHẢI TRẢ	300		355.167.703.812	43.381.618.162
Nợ ngắn hạn	310		355.167.703.812	43.381.618.162
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	214.300.000.000	-
Phải trả cho người bán	312		-	-
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	15	1.202.119.514	569.096.620
Phải trả công nhân viên	315		-	-
Chi phí phải trả	316	16	5.947.390.342	481.785.898
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	132.198.051.936	40.748.416.502
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.429.321.080	1.523.392.000
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	18	90.820.940	58.927.142
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.005.701.011.075	151.394.391.425
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.005.701.011.075	151.394.391.425
Vốn điều lệ	411		1.112.766.000.000	263.646.000.000
Lỗi lũy kế	420		(107.064.988.925)	(112.251.608.575)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.360.868.714.887	194.776.009.587

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Đơn vị: VND	
		31/12/2014	01/01/2014
Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
Tài sản nhận ký cược	003	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
Ngoại tệ các loại	005	-	-
Chứng khoán lưu ký	006	825.873.940.000	811.773.660.000
Trong đó:			
Chứng khoán giao dịch	007	673.208.190.000	758.197.160.000
<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	008	67.720.000	2.600.100.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	009	576.789.920.000	701.421.280.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	010	96.350.550.000	54.175.780.000
<i>Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác</i>	011	-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	8.335.880.000	13.770.310.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký</i>	013	-	-
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>	014	8.335.880.000	13.770.310.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	015	-	-
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác</i>	016	-	-
Chứng khoán cầm cố	017	46.202.000.000	10.020.000.000
<i>Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký</i>	018	-	-
<i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước</i>	019	46.202.000.000	10.020.000.000
<i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài</i>	020	-	-
<i>Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác</i>	021	-	-
Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	027	95.885.120.000	28.379.230.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký</i>	028	-	-
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>	029	95.130.120.000	28.379.230.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài</i>	030	755.000.000	-
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác</i>	031	-	-
Chứng khoán phong toả chờ rút	032	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Đơn vị: VND	
		31/12/2014	01/01/2014
Chứng khoán chờ giao dịch	037	2.242.750.000	1.406.960.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký</i>	038	80.000	60.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước</i>	039	2.162.670.000	1.353.190.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	040	80.000.000	53.710.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác</i>	041	-	-
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	19.170.850.000	12.426.230.000
Trong đó:			
Chứng khoán giao dịch	051	18.410.850.000	12.426.230.000
<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	052	1.870.000	610.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	053	17.776.280.000	12.237.620.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài</i>	054	632.700.000	188.000.000
<i>Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác</i>	055	-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
Chứng khoán cầm cố	061	760.000.000	-
<i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước</i>	063	760.000.000	-
Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	10.226.810.000	19.026.310.000
Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	-	-



LÊ TÍCH ĐỨC

Người lập

Ngày 11 tháng 3 năm 2015





TRƯƠNG THỊ KIM DUNG

Kế toán trưởng

OH KYUNG HEE

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu	01		61.902.424.802	33.696.923.508
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		28.859.674.414	13.535.969.285
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.792.124.994	1.776.034.662
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		1.532.288	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		281.761.691	3.794.406.518
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		562.028.392	517.968.829
- Doanh thu khác	01.9	20	30.405.303.023	14.072.544.214
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		61.902.424.802	33.696.923.508
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	21	24.826.921.955	7.988.163.335
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		37.075.502.847	25.708.760.173
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	32.043.798.902	32.271.039.409
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.031.703.945	(6.562.279.236)
Thu nhập khác	31		154.915.734	227.831.636
Chi phí khác	32		29	-
Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		154.915.705	227.831.636
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		5.186.619.650	(6.334.447.600)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.186.619.650	(6.334.447.600)
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	24	195	(240)




LÊ TÍCH ĐỨC
 Người lập
 Ngày 11 tháng 3 năm 2015



TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
 Kế toán trưởng




HỒ KYUNG HEE
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		5.186.619.650	(6.334.447.600)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.936.256.094	4.962.026.321
Các khoản dự phòng	03		(18.851.534.186)	(1.778.264.530)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.305.090.997	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(8.823.428.916)	(4.096.264.797)
Chi phí lãi vay	06		6.369.924.155	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.877.072.206)	(7.246.950.606)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(170.026.831.386)	(37.866.136.624)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		35.747.350.905	(6.878.987)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		93.329.198.423	(1.262.279.931)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.325.900.819	1.517.927.638
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.293.127.925)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		105.000.000	107.120.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(335.280.214)	(371.836.590)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20		(50.024.861.584)	(45.129.035.100)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		(532.274.000)	(856.878.731)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(8.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.823.428.916	4.096.264.797
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	30		291.154.916	3.239.386.066
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		849.120.000.000	-
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		280.807.401.532	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(69.732.401.532)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40		1.060.195.000.000	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	50		1.010.461.293.332	(41.889.649.034)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	46.389.117.831	88.278.766.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4	1.056.850.411.163	46.389.117.831

Thu

Quach



LÊ TÍCH ĐỨC

Người lập

Ngày 11 tháng 3 năm 2015

TRƯƠNG THỊ KIM DUNG

Kế toán trưởng

OH KYUNG HEE

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán Số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05 tháng 7 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 12 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2011, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2011 và Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 01 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ theo Giấy phép là 1.112.766.000.000 đồng.

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION.

Trụ sở chính đặt tại Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam đặt tại tầng 6 số 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.6 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.8 Đầu tư chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

2.8.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là các khoản đầu tư vào những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tang doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại là:

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính chất đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

2.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2.12 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	10
Tài sản khác	8
Tài sản vô hình	4 - 5

2.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

2.15 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản thuế ưu đãi chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2.15 Thuế (tiếp theo)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ nghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhập vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	305.177	9.178.822.300
- Cổ phiếu	305.177	9.178.822.300
b. Của nhà đầu tư	1.095.816.945	16.329.774.336.693
- Cổ phiếu	1.095.816.245	16.329.767.336.693
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	700	7.000.000
Cộng	1.096.122.122	16.338.953.158.993

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	5.095.778	17.724.536
Tiền gửi ngân hàng	7.586.908.081	20.337.152.857
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	38.138.407.304	26.034.240.438
Tiền gửi phong tỏa để tăng vốn điều lệ	849.120.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	162.000.000.000	-
Cộng	1.056.850.411.163	46.389.117.831

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B09-CTCK

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng	Giảm	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
- Cổ phiếu niêm yết	6.967	140.257.810	5.788.133	(50.704.630)	95.341.313
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	1.022.681	42.676.677.449	-	(25.483.566.788)	17.193.110.661
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)		8.000.000.000		-	8.000.000.000
Tổng cộng	1.029.648	50.816.935.259	5.788.133	(25.534.271.418)	25.288.451.974

(*) Giá thị trường của các chứng khoán này được xác định theo trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tôi thiếu ba công ty chứng khoán.

(**) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng.

5.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	42.816.935.259	78.564.286.164
Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(25.534.271.418)	(44.385.805.604)
Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	25.282.663.841	34.178.480.560

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B09-CTCK

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Chi tiêu	Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
- Cổ phiếu niêm yết	118.841.810	10.538.100.315	(50.704.630)	(3.772.177.030)	68.137.180	6.765.923.285
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)	-	10.326.522.597	-	(3.691.475.597)	-	6.635.047.000
Cổ phiếu khác	118.841.810	211.577.718	(50.704.630)	(80.701.433)	68.137.180	130.876.285
- Cổ phiếu chưa niêm yết	42.676.677.449	68.026.678.449	(25.483.566.788)	(40.613.628.574)	17.193.110.661	27.413.049.875
Công ty Cổ phần Lạc Việt	10.080.000.000	10.080.000.000	(7.596.876.225)	(7.596.876.225)	2.483.123.775	2.483.123.775
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Nguyễn Hoàng	-	10.350.000.000	-	(4.402.744.157)	-	5.947.255.843
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	-	15.000.001.000	-	(10.665.069.061)	-	4.334.931.939
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	20.422.283.144	20.422.283.144	(12.305.969.383)	(12.212.903.464)	8.116.313.761	8.209.379.680
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	593.949.800	593.949.800	(76.692.426)	(76.692.426)	517.257.374	517.257.374
	2.854.044.505	2.854.044.505	(2.022.920.982)	(2.073.944.505)	831.123.523	780.100.000
	8.726.400.000	8.726.400.000	(3.481.107.772)	(3.585.398.736)	5.245.292.228	5.141.001.264
Tổng cộng	42.795.519.259	78.564.778.764	(25.534.271.418)	(44.385.805.604)	17.261.247.841	34.178.973.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	263.662.598.657	94.575.116.283
<i>Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	<i>3.237.376.381</i>	<i>2.949.240.603</i>
<i>Phải thu khách hàng về giao dịch kỳ quỹ</i>	<i>260.425.222.276</i>	<i>91.625.875.680</i>
Trả trước người bán	30.000.000	9.627.317
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	324.974.528	79.053.389
Phải thu khác	832.990.735	242.323.572
Cộng	264.850.563.920	94.906.120.561
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.316.848.972)	(1.316.848.972)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	263.533.714.948	93.589.271.589

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
Đầu năm	1.093.289.759	1.223.360.037
Tăng trong năm	6.034.307.287	9.578.700.470
Phân bổ vào chi phí trong năm	(6.023.525.452)	(9.708.770.748)
Cuối năm	1.104.071.594	1.093.289.759

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Đầu năm	15.282.370.809	474.809.600	94.601.654	15.851.782.063
Tăng trong năm	151.360.000	-	-	151.360.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Cuối năm	15.433.730.809	474.809.600	94.601.654	16.003.142.063
Khấu hao lũy kế				
Đầu năm	10.116.559.467	300.712.756	72.922.112	10.490.194.335
Tăng trong năm	2.247.916.928	47.480.964	11.825.208	2.307.223.100
Giảm trong năm	-	-	-	-
Cuối năm	12.364.476.395	348.193.720	84.747.320	12.797.417.435
Giá trị còn lại				
Đầu năm	5.165.811.342	174.096.844	21.679.542	5.361.587.728
Cuối năm	3.069.254.414	126.615.880	9.854.334	3.205.724.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Website Công ty	Cộng
Nguyên giá			
Đầu năm	12.423.271.418	315.834.320	12.739.105.738
Tăng trong năm	591.748.000	-	591.748.000
Giảm trong năm	-	-	-
Cuối năm	13.015.019.418	315.834.320	13.330.853.738
Khấu hao lũy kế			
Đầu năm	6.038.130.675	98.698.230	6.136.828.905
Tăng trong năm	2.550.074.410	78.958.584	2.629.032.994
Giảm trong năm	-	-	-
Cuối năm	8.588.205.085	177.656.814	8.765.861.899
Giá trị còn lại			
Đầu năm	6.385.140.743	217.136.090	6.602.276.833
Cuối năm	4.426.814.333	138.177.506	4.564.991.839

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
Đầu năm	3.068.579.527	3.725.085.509
Tăng trong năm	189.157.050	791.965.778
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.525.839.704)	(1.448.471.760)
Cuối năm	1.731.896.873	3.068.579.527

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau sau năm phát sinh lỗ.

Các khoản lỗ thuế phát sinh bởi Công ty, có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau
2010	Chưa được kiểm tra	11.229.298.478
2011	Chưa được kiểm tra	11.688.762.131
2012	Chưa được kiểm tra	1.071.152.802
2013	Chưa được kiểm tra	<u>47.839.578.829</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

12. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Biến động tiền nợp quỹ hỗ trợ thanh toán:

	Năm 2014	Năm 2013
Đầu năm	2.296.516.912	1.801.848.686
Tiền nợp bổ sung	330.280.214	266.836.590
Tiền lãi được phân bổ trong năm	148.359.884	227.831.636
Cuối năm	2.775.157.010	2.296.516.912

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	1.037.070.000	1.037.070.000
Đặt cọc thuê văn phòng tại thành phố Hà Nội	109.807.920	109.807.920
Đặt cọc thuê nhà cho Ban Tổng Giám đốc	-	105.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	13.000.000	8.000.000
Cộng	1.159.877.920	1.259.877.920

14. VAY NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
Korea Investment Holdings Co., Ltd.	214.300.000.000	-
Cộng	214.300.000.000	-

Khoản vay từ Korea Investment Holdings Co., Ltd. theo các thỏa thuận vay ngày 20/3/2014, ngày 17/9/2014 và ngày 03/12/2014, số dư nợ vay là 10.000.000 USD, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Lãi suất từ 3,02% đến 4,11%/năm, được sử dụng để tài trợ cho các yêu cầu về vốn lưu động của Công ty.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.004.303.170	500.776.256
Thuế nhà thầu	197.816.344	68.320.364
Cộng	1.202.119.514	569.096.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi vay phải trả	4.076.796.230	-
Các khoản chi phí phải trả khác	1.870.594.112	481.785.898
Cộng	5.947.390.342	481.785.898

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	38.128.497.936	26.030.185.002
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	94.069.554.000	14.718.231.500
Cộng	132.198.051.936	40.748.416.502

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn	90.820.940	58.927.142
Cộng	90.820.940	58.927.142

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
Vốn điều lệ	263.646.000.000	849.120.000.000	-	1.112.766.000.000
Lỗ lũy kế	(112.251.608.575)	5.186.619.650	-	(107.064.988.925)
Cộng	151.394.391.425	854.306.619.650	-	1.005.701.011.075

19.1. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	111.276.600	26.364.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	111.276.600	26.364.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	111.276.600	26.364.600

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Nghị quyết số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng vốn huy động là 849.120.000.000 đồng tương ứng 84.912.000 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Theo đó, Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết và đã phát hành 84.912.000 cổ phiếu nói trên, đồng thời ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu là 849.120.000.000 đồng.

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã nhận được giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 5 tháng 7 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Cấp.

20. DOANH THU KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	20.079.874.659	10.302.548.086
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	7.076.108.247	2.331.086.206
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	3.233.730.392	1.411.296.731
Doanh thu khác	15.589.725	27.613.191
Cộng	30.405.303.023	14.072.544.214

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	15.927.447.800	8.277.206.166
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.894.471.448	251.922.133
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(18.851.534.186)	(1.778.264.530)
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	536.854.543	590.871.833
Chi phí lưu ký chứng khoán	644.653.350	530.051.061
Chi phí lãi vay	6.369.924.155	-
Chi phí khác	3.305.104.845	116.376.672
Cộng	24.826.921.955	7.988.163.335

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên	12.067.168.128	12.298.398.744
Chi phí dụng cụ văn phòng	1.536.311.577	1.117.008.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.936.256.094	4.962.026.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.646.326.119	11.226.243.139
Chi phí bằng tiền khác	2.857.736.984	2.667.362.481
Cộng	32.043.798.902	32.271.039.409

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (năm 2013: 25%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm 2014 và năm 2013 được trình bày dưới đây:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	5.186.619.650	(6.334.447.600)
Điều chỉnh	(5.186.619.650)	(41.505.131.229)
a) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	6.000.019.047	529.893.000
<i>Các khoản chi phí trích trước</i>	<i>5.947.390.342</i>	-
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>52.628.705</i>	<i>529.893.000</i>
b) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	(11.186.638.697)	(42.035.024.229)
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết</i>	-	<i>(40.269.845.638)</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)</i>	<i>(1.747.320.669)</i>	<i>(1.765.178.591)</i>
<i>Lỗ các năm trước chuyển sang</i>	<i>(9.439.318.028)</i>	-
Thu nhập tính thuế/(Lỗ được chuyển)	-	(47.839.578.829)
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	5.186.619.650	(6.334.447.600)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.600.467	26.364.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	195	(240)

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang thuê các văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động sau:

- Trụ sở chính tại tầng 3 tòa nhà Maritime Bank, số 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng chi nhánh tại tầng 6 số 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Đến 01 năm	5.114.741.760	4.613.162.880
Từ 01 đến 05 năm	23.853.384.720	7.523.790.400
Trên 05 năm	2.727.380.880	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B09-CTCK

26. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Mối giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh và thu nhập khác						
1. doanh và thu nhập khác	29.421.702.806	1.792.124.994	281.761.691	30.389.713.298	172.037.747	62.057.340.536
2. Chi phí trực tiếp	16.572.101.150	(1.957.062.738)	536.854.543	9.675.029.000	29	24.826.921.984
3. Chi phí phân bổ	15.192.129.085	925.377.923	145.489.879	15.691.968.963	88.833.052	32.043.798.902
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(2.342.527.429)	2.823.809.809	(400.582.731)	5.022.715.335	83.204.666	5.186.619.650

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. Tài sản bộ phận trực tiếp	41.238.538.842	17.282.663.841	-	1.289.920.744.279	-	1.348.441.946.962
2. Tài sản bộ phận phân bổ	-	-	-	-	-	-
3. Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	12.426.767.925
Tổng tài sản	41.238.538.842	17.282.663.841	-	1.289.920.744.279	-	1.360.868.714.887
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	135.497.967.128	-	-	218.376.796.230	-	353.874.763.358
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	-	-	-	-	-	-
3. Nợ phải trả bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	1.292.940.454
Tổng công nợ	135.497.967.128	-	-	218.376.796.230	-	355.167.703.812

Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Korea Investment Holdings Co., Ltd.	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	214.300.000.000
		Lãi vay	6.369.924.155

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Korea Investment Holdings Co., Ltd.	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	214.300.000.000
		Lãi vay phải trả	4.076.796.230

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi kỳ hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty còn nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị nợ thuần, tỷ suất giữa lãi suất cố định với lãi suất thả nổi của các khoản nợ và tỷ lệ các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ đều cố định.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**28.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)***Độ nhạy lãi suất*

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty là rất nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Độ nhạy ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy ngoại tệ do mức độ rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất nhỏ.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 95.341.313 đồng Việt Nam. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty; tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số thị trường.

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**28.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Không kỳ hạn	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Vay ngắn hạn	-	214.300.000.000	-	214.300.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	132.198.051.936	-	-	132.198.051.936
Chi phí phải trả	5.947.390.342	-	-	5.947.390.342
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.429.321.080	-	-	1.429.321.080
Cộng	139.574.763.358	214.300.000.000	-	353.874.763.358
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	40.748.416.502	-	-	40.748.416.502
Chi phí phải trả	481.785.898	-	-	481.785.898
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.523.392.000	-	-	1.523.392.000
Cộng	42.753.594.400	-	-	42.753.594.400

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng trả tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính kèm theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản nợ phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, thành một trong các loại sau:

+ Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

+ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

+ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành:

+ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu; đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu; và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

+ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

+ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

+ Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

+ Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/ giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường, giá trị hợp lý của công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	50.816.935.259	78.557.407.177	25.288.451.974	32.550.041.646
Chứng khoán thương mại	42.816.935.259	78.557.407.177	17.288.451.974	32.550.041.646
Cổ phiếu niêm yết	140.257.810	13.384.773.233	95.341.313	7.494.508.800
Cổ phiếu chưa niêm yết	42.676.677.449	65.172.633.944	17.193.110.661	25.055.532.846
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	267.492.278.874	97.225.570.934	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.056.850.411.163	46.389.117.831	1.056.850.411.163	46.389.117.831
Tổng cộng	1.375.159.625.296	222.172.095.942	1.082.138.863.137	78.939.159.477

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Nợ vay	214.300.000.000	-	(*)	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	132.198.051.936	40.748.416.502	(*)	(*)
Chi phí phải trả	5.947.390.342	481.785.898	5.947.390.342	481.785.898
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.429.321.080	1.523.392.000	(*)	(*)
Tổng cộng	353.874.763.358	42.753.594.400	5.947.390.342	481.785.898

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Khế độ Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:


- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



LÊ TÍCH ĐỨC
Người lập
Ngày 11 tháng 3 năm 2015



TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
Kế toán trưởng

ÔNG KYUNG HEE
Tổng Giám đốc

